TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST-DS	*N, ngày 06 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Phạm Thị Sao

Thư ký phiên họp: Ông Lò Văn Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên họp: Ông Phùng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2024/TLST-DS, ngày 12 tháng 8 năm 2024 về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-DS, ngày 28 tháng 8 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*: Anh Thùng Văn T, sinh năm 1987 và chị Khoàng Thị P, sinh năm 1987 (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Bản I, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên; Người đại diện theo pháp luật: Ông Thùng Văn A, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 07 tháng 8 năm 2024 và bản tự khai của anh Thùng Văn T, chị Khoàng Thị P như sau:

Anh Thùng Văn T và chị Khoàng Thị P tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Mường Lay (nay là huyện N), tỉnh Điện Biên. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại bản I, xã C, huyện N, tỉnh Điện Biên; quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc và sinh được 02 người con chung. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 29/01/2004, quyển số 02 năm 2004 của Ủy ban nhân dân xã C thì anh T sinh ngày 23/7/1984 và chị P sinh ngày 14/8/1986 nhưng tại Căn cước công dân của anh T và chị P và các giấy tờ tùy

thân, thì anh T sinh ngày 23/12/1987, còn chị P sinh ngày 14/8/1987. Anh T và chị P khẳng định, tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 29/01/2004, thì cả anh T và chị P mới được hơn 16 tuổi, chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do anh chị yêu nhau nên để được kết hôn anh T khai sinh ngày 23/7/1984, còn chị P khai sinh ngày 14/8/1986. Tuy nhiên, ngày tháng năm sinh của anh T và chị P ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn không đúng với ngày tháng năm sinh thực tế là ngày tháng năm sinh theo căn cước công dân, giấy khai sinh, bằng tốt nghiệp và các giấy tờ tùy thân khác nên anh chị gặp vướng mắc trong các giao dịch dân sự, thủ tục hành chính. Vì vậy, anh chị yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị kể từ thời điểm cả 02 anh chị đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân xã C, ngày 16/8/2024 như sau: Tại Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 29/01/2004, quyển số 02 thể hiện anh Thùng Văn T, sinh ngày 23/7/1984 và chị Khoàng Thị P, sinh ngày 14/8/1986. Tại thời điểm kết hôn anh T và chị P đã khai không đúng ngày tháng năm sinh, cán bộ hộ tịch không kiểm tra giấy tờ tùy thân của anh chị mà chỉ căn cứ vào lời khai của anh chị để đăng ký kết hôn là trái pháp luật. Do đó, khi kết hôn cả anh T và chị P đều chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay anh T và chị P cùng có đơn yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận anh T và chị P là vợ chồng hợp pháp tại thời điểm anh T và chị P đủ tuổi kết hôn, Ủy ban nhân dân xã C nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết việc dân sự và tại phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về giải quyết việc dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 2, 3, 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp; các điều 29, 35, 39, 149, 362, 365, 366, 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Thùng Văn T và chị Khoàng Thị P, công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị P kể từ thời điểm anh T và chị P đủ tuổi kết hôn là ngày 24/12/2007.

- Về lệ phí: Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T và chị P phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn yêu cầu của anh Thùng Văn T và chị Khoàng Thị P về việc hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án xác định đây là việc dân sự: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân, theo khoản 1 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết việc dân sự: Anh T và chị P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện Mường Lay (nay là huyện N), tỉnh Điện Biên, được Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên họp, anh T, chị P và người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã C là ông Thùng Văn A đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 2, 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung việc dân sự:

Anh Thùng Văn T và chị Khoàng Thị P khai ngày tháng năm sinh đúng của anh T là ngày 23/12/1987, ngày tháng năm sinh đúng của chị P là ngày 14/8/1987. Khi làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/2004, do anh chị yêu nhau nhưng chưa đủ tuổi nên đã không mang giấy tờ tùy thân và tự khai tăng tuổi (anh T khai sinh ngày 23/7/1984, chị P khai sinh ngày 14/8/1986) và cả 02 anh chị đều không biết người kia chưa đủ tuổi kết hôn. Trên cơ sở giấy tờ tùy thân của anh chị gồm: Căn cước công dân, Giấy khai sinh, Bằng tiểu học, Giấy khai sinh của các con anh T và chị P, Trích lục cải chính hộ tịch số 142/TLCCHT, ngày 07/8/2024 của Ủy ban nhân dân huyện N và Văn bản của Ủy ban nhân dân xã C, có đủ cơ sở xác định Thùng Văn T, sinh ngày 23/7/1984 ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 29/01/2004 với Thùng Văn T, sinh ngày 23/12/1987 tại Căn cước công dân số 011087000866 là một người; Khoàng Thị P, sinh ngày 14/8/1986 ghi trong Giấy chứng nhận kết hôn nêu trên với Khoàng Thị P, sinh ngày 14/8/1987 ghi trong Căn cước công dân số 011187000961 là một người.

Anh T và chị P xác định kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, ngày 29/01/2004. Căn cứ vào ngày tháng năm sinh của anh T và chị P, tại thời điểm đăng ký kết hôn cả anh T và chị P đều chưa đủ tuổi kết hôn (anh T mới 16 tuổi 01 tháng 06 ngày; chị P mới 16 tuổi 05 tháng 15 ngày), theo quy định của khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy, anh T và chị P đã vi phạm về độ tuổi kết hôn, Ủy ban nhân dân xã C không kiểm tra giấy tờ tùy thân mà đã đăng ký kết hôn cho anh T và chị P là trái pháp luật. Do đó, anh T và chị P yêu cầu Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật là có căn cứ. Tuy nhiên, anh T và chị P đồng thời có yêu cầu Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn. Xét thấy, anh T và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chung sống

hạnh phúc từ đó đến nay, đã có 02 con chung. Anh chị đã có đủ các điều kiện kết hôn theo Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh chị là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, không cần tuyên hủy kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân của anh T và chị P kể từ thời điểm anh, chị đủ tuổi kết hôn.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh T và chị P phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

[6] Quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh T, chị P, Ủy ban nhân dân xã C, huyện N có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên có quyền kháng nghị theo quy định tại Điều 371 và 372 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 149, khoản 2, 3 Điều 367, 370, 371, 372 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, khoản 1, 2, 3 Điều 11, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 2, khoản 1, 2 Điều 3, điểm a khoản 2, khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTT ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu của anh Thùng Văn T và chị Khoàng Thị P về việc hủy kết hôn trái pháp luật giữa anh T và chị P theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01, ngày 29/01/2004 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện Mường Lay (nay là huyện N), tỉnh Điện Biên.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân của anh Thùng Văn T, sinh ngày 23/12/1987 và chị Khoàng Thị P sinh ngày 14/8/1987, kể từ thời điểm anh T và chị P đủ tuổi kết hôn là ngày 24/12/2007.

3. Về lệ phí sơ thẩm: Anh T và chị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Điện Biên, theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số 0001804, ngày 12 tháng 8 năm 2024.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Anh Thùng Văn T, chị Khoàng Thị P và Ủy ban nhân dân xã C, huyện N có quyền kháng cáo Quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện N;
- Người yêu cầu;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã C (Nơi ĐKKH);
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Điện Biên;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Thị Sao